

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ NGHĨA LỘ  
TỈNH YÊN BÁI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2024/DS - ST  
Ngày 24/01/2024  
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGHĨA LỘ - TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Vĩnh.

Bà Lương Thị Hoàn.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bắc - Thư ký TAND thị xã Nghĩa Lộ.

Ngày 24 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở tòa án nhân dân thị xã Nghĩa Lộ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 18/2023/TLST- DS ngày 16 tháng 10 năm 2023 về Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2024/QĐXX - ST ngày 04 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Bùi Thị X, sinh năm 1966. Địa chỉ: phường Tr, thị xã Ngh, tỉnh Yên Bái. Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Qu, sinh năm 1974. Địa chỉ: phường C, thị xã Ngh, tỉnh Yên Bái. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/10/2023 bà Bùi Thị X trình bày: Do có sự quen biết nên bà đã cho bà Nguyễn Thị Qu vay tiền nhiều lần từ năm 2014. Cụ thể:

Ngày 19/9/2014 cho vay 50.000.000đồng có viết giấy biên nhận ghi rõ khi nào cần thì báo trước 1 tháng; Ngày 04/10/2014 cho vay 20.000.000đồng có viết giấy biên nhận thời hạn vay hai tháng. Ngày 29/11/2014 cho vay 30.000.000đồng có viết giấy biên nhận thời hạn vay 1 tháng. Ngày 10/5/2015 cho vay 100.000.000đồng có viết giấy biên nhận thời hạn vay 01 năm. Ngày 09/6/2015 cho vay 30.000.000đồng có viết giấy biên nhận thời hạn vay 01 tháng.

Tổng cộng số tiền bà Qu vay 05 lần là 230.000.000đ (hai trăm ba mươi triệu đồng), khi cần tiền bà đã yêu cầu bà Qu thanh toán nhưng bà Qu không thanh toán cho bà đầy đủ. Vì vậy nên bà khởi kiện yêu cầu bà Qu phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà số tiền nợ gốc là 230.000.000đồng và tiền lãi là 1%/ tháng kể từ tháng 6/2015 cho đến khi khởi kiện là 99 tháng, số tiền lãi được tính trên toàn bộ số tiền nợ gốc là  $230.000.000đ \times 1\% \times 99 \text{ tháng} = 227.700.000đ$  (hai trăm bảy mươi bảy triệu đồng). Tổng số tiền gốc và lãi bà yêu cầu bà Qu phải thanh toán là 507.000.000đ (năm trăm linh bảy triệu đồng).

Để chứng minh cho yêu cầu của mình bà X đã nộp các chứng cứ gồm: Bản gốc Giấy biên nhận vay tiền các ngày 19/9/2014, ngày 4/10/2014, ngày 29/11/2014, ngày 10/5/2015 và ngày 9/6/2015.

Tại bản tự khai ngày 19/10/2023 bà Nguyễn Thị Qu trình bày: Bà thừa nhận kể từ năm 2014 đến năm 2015 có vay tiền của bà X 5 lần với tổng số tiền là 230.000.000đồng. Các lần vay hai bên đều ký vào giấy biên nhận vay tiền và thống nhất lãi suất theo thỏa thuận là 5%/tháng nhưng không ghi cụ thể lãi vào giấy vay tiền. Bà đã thanh toán lãi cho bà X đến hết ngày cuối cùng vay tiền (ngày 9/6/2015) và thanh toán tiền gốc là 10.000.000đ vào ngày 20/7/2017 (kèm theo là hóa đơn giấy nộp tiền qua số tài khoản của bà Bùi Thị X). Số tiền còn nợ gốc là 220.000.000đ (hai trăm hai mươi triệu đồng). Sau đó do làm ăn khó khăn, mất mát nên bà không trả được nợ nữa, bà đã xin tiền lãi và được bà X đồng ý. Nay bà X khởi kiện bà cũng không có khả năng thanh toán cho bà X được số tiền còn nợ gốc là 220.000.000đồng trong một lần nên xin được thanh toán trong nhiều lần, mỗi tháng thanh toán 1.000.000đồng, tiền lãi bà xin vì không thể trả được.

Tòa án tiền hành mở các phiên hòa giải ngày 24/10/2023 và ngày 29/11/2023, các bên đương sự đều thống nhất về số lần vay tiền là 05 lần với tổng tiền là 230.000.000đồng, có viết giấy biên nhận và thỏa thuận miệng lãi suất. Bà Qu đã thanh toán số tiền gốc là 10.000.000đồng vào ngày 20/7/2017, còn nợ lại số tiền gốc là 220.000.000đồng. Bà X không yêu cầu tính lãi với điều kiện bà Qu thanh toán một lần toàn bộ số tiền gốc còn nợ. Bà Qu xin thanh toán trả dần 1.000.000đồng/1 tháng.

Tại phiên tòa:

Bà X vẫn giữ yêu cầu khởi kiện đối với bà Qu, đề nghị bà Qu có nghĩa vụ thanh toán số tiền còn nợ gốc là 220.000.000đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật: Kể từ 09/6/2015 đến ngày 20/7/2017 bà chỉ tính tròn 25 tháng (tức là ngày 09/7/2017) còn lại 10 ngày lẻ bà cho không tính lãi với lãi suất 09%/năm trên số tiền gốc 230 triệu đồng, lãi = 43.125.000đồng. Kể từ 21/7/2017 đến ngày 21/01/2024 lãi suất là 10%/năm trên số tiền gốc 220 triệu đồng, lãi = 142.428.000đồng. Bà không yêu cầu tính lãi từ ngày 21/01/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm 24/01/2024 (3 ngày). Tổng cộng tiền gốc và lãi bà X yêu cầu bà Qu phải thanh toán là 405.553.000đ. Bà X không yêu cầu bà Qu phải trả lãi kể từ sau ngày xét xử đến khi thi hành xong, kể cả khi có đơn yêu cầu thi hành án.

Bà Qu thừa nhận tổng số tiền vay là 230 triệu, đã trả được 10 triệu tiền gốc. Xác định lãi thỏa thuận là 5%/tháng là nặng lãi, bà X đã nhất trí cho bà lãi từ trước nên nay bà không có nghĩa vụ phải thanh toán. Hiện nay bà không có khả năng thanh toán số tiền nợ gốc một lần nên xin thanh toán trả dần 500.000đồng/1 tháng từ năm 2024, khi bà làm ăn được thì sẽ trả nhiều hơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Bùi Thị X khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Qu có hộ khẩu và cư trú tại tổ 8, phường C, thị xã Ngh thanh toán trả nợ tiền vay. Theo quy định tại

Điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Nghĩa Lộ, quan hệ pháp luật tranh chấp là: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

- Về thời hiệu: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và bị đơn không đề nghị áp dụng thời hiệu.

- Về áp dụng pháp luật nội dung: Sự kiện pháp lý giữa bà Bùi Thị X và bà Nguyễn Thị Qu xảy ra từ năm 2014, 2015 sau đó các bên đã thực hiện được một phần vào năm 2017 nên được xác định là hợp đồng đang được thực hiện, do đó áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 và 2015 để giải quyết vụ án.

[2] Về yêu cầu khởi kiện:

Lời khai của các đương sự đều thống nhất và phù hợp với chứng cứ được giao nộp tại Tòa án, thể hiện từ năm 2014 bà Qu có vay tiền của bà X nhiều lần, cụ thể: Ngày 19/9/2014 vay 50.000.000đồng; Ngày 04/10/2014 vay 20.000.000đồng; Ngày 29/11/2014 vay 30.000.000đồng; Ngày 10/5/2015 vay 100.000.000đồng và ngày 09/6/2015 vay 30.000.000đồng. Tổng số tiền bà Qu vay của bà X là 230.000.000đồng. Các lần cho vay tiền đều viết giấy biên nhận ghi số tiền vay, thời hạn vay; về lãi suất các bên tự thỏa thuận miệng không ghi cụ thể trong giấy biên nhận, có chữ ký của cả bà Qu và bà X. Đây được xác định là hợp đồng vay tài sản có thời hạn và có lãi.

Xét thấy các giấy biên nhận vay tiền giữa bà X và bà Qu đều có chữ ký của các bên tham gia ký kết hợp đồng, ghi rõ số tiền vay và thời gian cụ thể. Tại thời điểm ký kết hợp đồng các bên đều có năng lực trách nhiệm hành vi dân sự, không có ai bị ép buộc hay lừa dối. Lời khai của bà X và bà Qu phù hợp với nhau về số tiền vay và số tiền đã trả nợ gốc là 10.000.000đồng cũng phù hợp với chứng cứ là giấy nộp tiền do bà Qu giao nộp. Như vậy, có căn cứ để xác định đến ngày 20/7/2017 bà Qu còn nợ bà X số tiền nợ gốc là 220.000.000đồng. Số tiền trên bà X đã yêu cầu bà Qu thanh toán nhiều lần nhưng bà Qu không thanh toán khoản nợ trên là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định của Bộ luật dân sự, việc bà Qu không thanh toán hết nợ đã gây ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà X, do vậy bà X khởi kiện là hoàn toàn có căn cứ.

\* Về lãi suất: Các bên đều thừa nhận cho vay có lãi theo thỏa thuận. Tuy nhiên lãi suất cụ thể các bên khai không thống nhất, bà Qu khai lãi suất là 5%/tháng và đã thanh toán đến ngày 09/6/2015, bà X xác định lãi suất khi cho vay là 2%/tháng và đã được thanh toán một phần đến trước ngày bà cho vay cuối cùng. Tuy nhiên các bên đều không đưa ra được chứng cứ gì chứng minh cho lời khai của mình về mức lãi suất và số tiền đã thanh toán. Do đó không có căn cứ xác định cụ thể mức lãi suất là bao nhiêu và số tiền lãi đã thanh toán nên được xác định là tranh chấp về lãi suất. Hợp đồng các bên ký kết từ 2014, 2015 sau đó đến ngày 20/7/2017 thực hiện được một phần, do đó được xác định là hợp đồng đang được thực hiện. Việc bà X yêu cầu bà Qu phải thanh toán lãi là yêu cầu chính đáng phù hợp với quy định tại Điều 476 Bộ luật dân sự 2005 và Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015. Về thời gian yêu cầu tính lãi kể từ tháng 09/6/2015 là ngày cho vay cuối cùng là phù hợp với quy định.

Theo quy định của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 thì lãi suất được tính từ ngày 09/6/2015 đến 09/7/2017 là 09%/năm tương đương 0,75%/tháng (lãi suất cơ bản theo Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam), cụ thể  $230.000.000đ \times 0,75\% \times 25 \text{ tháng} = 43.125.000đ$ .

Kể từ 21/7/2017 trở đi đến ngày xét xử lãi suất được tính là 10%/năm tương đương 0,83%/tháng. Vậy từ 21/7/2017 đến ngày xét xử 24/01/2024 là 78 tháng 3 ngày nhưng bà Xuân chỉ tính tròn 78 tháng trên tổng số tiền nợ gốc là 220.000.000đồng, vậy tiền lãi là  $220.000.000đ \times 0,83\% \times 78 \text{ tháng} = 142.428.000đ$  (làm tròn).

Vậy tổng tiền lãi là:  $43.125.000đ + 142.428.000đ = 185.553.000đ$ .

Việc bà X chỉ yêu cầu tính tròn tháng không tính những ngày lẻ để tính lãi là sự tự nguyện, ngoài ra bà X không yêu cầu tính lãi kể từ sau ngày xét xử đến khi thi hành án xong. Đây là quyền tự quyết của bà X không vi phạm pháp luật và đạo đức xã hội nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Từ những đánh giá trên Hội đồng xét xử thấy yêu cầu khởi kiện của bà X đối với bà Qu về việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ gốc là 220.000.000đồng và số tiền lãi theo quy định pháp luật là 185.553.000đồng, tổng cộng gốc và lãi là 405.553.000đồng là có căn cứ được chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà X được chấp nhận nên bà không phải chịu án phí. Bà Qu phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải thanh toán cho bà X.

[5] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 122, 471, 474, 476, 478 Bộ luật dân sự 2005;

Căn cứ các Điều 466 và 468 của Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao.

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị X đối với bà Nguyễn Thị Qu về Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

2. Buộc bà Nguyễn Thị Qu có nghĩa vụ thanh toán trả cho bà Bùi Thị X tổng số tiền là 405.553.000đ (*bốn trăm linh năm triệu năm trăm năm mươi ba ngàn đồng*), trong đó tiền gốc là 220.000.000đồng, tiền lãi là 185.553.000đồng.

Kể từ ngày xét xử sơ thẩm 24/01/2024 đến khi thi hành án xong khoản tiền nợ

thì bà X không yêu cầu bà Qu phải thanh toán lãi nữa.

**3. Án phí dân sự sơ thẩm:**

Bà Nguyễn Thị Qu phải chịu 20.222.000đồng (*hai mươi triệu hai trăm hai mươi hai ngàn đồng*) án phí sơ thẩm. Bà Bùi Thị X không phải chịu án phí, được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 12.140.000đồng (*mười hai triệu một trăm bốn mươi ngàn đồng*) theo biên lai thu số AA/2022/000848 ngày 16/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Nghĩa Lộ.

**4. Về quyền kháng cáo:** Bà X, bà Qu có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND TX Nghĩa Lộ;
- CCTHADS TX Nghĩa Lộ;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Lê Thị Hồng Hạnh**

